

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Cao Trung.

2. Ông Võ Văn Nhân.

Căn cứ vào các điều 212, 213, điểm c, khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1979 và bà Trần Thị Lệ H, sinh năm: 1988.

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm 6, thôn A, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công S, sinh năm: 1975.

Hộ khẩu thường trú: xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Đội 6, thôn Đ, xã Ng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1979 và bà Trần Thị Lệ H, sinh năm: 1988.

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm 6, thôn A, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công S, sinh năm: 1975.

Hộ khẩu thường trú: xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Đội 6, thôn Đ, xã Ng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Đình Đ, bà Trần Thị Lệ H và ông Nguyễn Công S công nhận số tiền đặt cọc giữa ông Đ, bà H và ông S là 169.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu đồng) để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1743, tờ bản đồ số 10, diện tích 200m<sup>2</sup> số vào sổ GCN: CH 11776 do Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp ngày 18/01/2017 tại xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Công S phải hoàn trả số tiền 169.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu đồng) đã nhận đặt cọc của ông Đ và bà H cho ông Nguyễn Đình Đ, bà Trần Thị Lệ H.

Ông Đ, bà H và ông S thống nhất ông S sẽ bồi thường số tiền phạt cọc cho ông Đ và bà H là: 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Tổng cộng số tiền ông S phải trả cho ông Đ và bà H là 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền ở trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Ông Nguyễn Đình Đ và bà Trần Thị Lệ H rút một phần yêu cầu khởi kiện, từ số tiền là 338.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu đồng) xuống còn 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Ông Nguyễn Công S thống nhất với việc ông Đ và H rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Đ và bà Trần Thị Lệ H đối với số tiền là: (338.000.000 đồng – 245.000.000 đồng = 93.000.000 đồng). Ông Đ và bà H không có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu trên. Hoàn trả cho ông Đ và bà H số tiền tạm ứng án phí tương ứng với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện

2.3. Thời hạn và phương thức trả nợ do các bên tự thỏa thuận.

2.4. Về án phí: Số tiền án phí là: (245.000.000 đồng x 5%) = 12.250.000 đồng.

Ông Nguyễn Đình Đ, bà Trần Thị Lệ H và ông Nguyễn Công S thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Công S chịu số tiền án phí là: 12.250.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Nguyễn Đình Đ và bà Trần Thị Lệ H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Đ và bà H số tiền tạm ứng án phí là: 8.450.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0005630 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thanh Hòa**